TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Nguyễn Thị Phin

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Khắc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đức H, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: D đường P, phường H, thành phố; nơi ở: P, 13589 B, Cộng hòa Liên bang Đ; (hộ chiếu số C8199050, do Cục Q cấp ngày 19/9/2019); vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Trang N, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Số B ngõ B đường Đ, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: L B, Cộng hòa Liên bang Đ; (hộ chiếu số N2438722, do Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ cấp ngày 25/8/2021); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2025 bổ sung ngày 02/02/2026 và bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Đức H trình bày:

Anh Phạm Đức H và chị Vũ Thị Trang N đăng ký kết hôn năm 2020 tại Cộng hòa liên bang Đức trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do có nhiều khác biệt về suy nghĩ, cách sống nên đời sống hôn nhân rơi vào khủng hoảng. Vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn mâu

thuẫn nhưng không kết quả. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh H và chị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02/02/2026, bị đơn chị Vũ Thị Trang N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng như trình bày của anh H. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đồng ý ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn; bị đơn có đăng ký thường trú tại phường G, thành phố Hải Phòng; nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức H và chị Vũ Thị Trang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ vào ngày 27/7/2020, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Anh H và chị N đều xác nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, không thể hàn gắn. Anh H yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Xét hôn nhân của anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[4] Về con chung: Anh H và chị N đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh H và chị N không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, các điều 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức H được ly hôn chị Vũ Thị Trang N.

2. Về con chung, về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đức H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002494 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Đức H và chị Vũ Thị Trang N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3- Hải Phòng;
- Phòng THA DS khu vực 3- Hải Phòng;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thuỷ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy